TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	_____ TH

Bản án số: 46/2019/DS-PT
Ngày: 09/5/2019
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huyền Cường;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;
Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DSST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2911/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: Bà Ma Thị H, sinh năm 1947; địa chỉ: Tổ 1, khối 5, xã T, huyện L, tỉnh S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Trọng H - Văn phòng Luật sư HS, Đoàn Luật sư tỉnh S.

Địa chỉ: Km 18, Quốc lộ 1A, thôn C, xã P, thành phố S, tỉnh S.

* ***Bị đơn***: Chị Tô Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Kéo Tào, xã T, huyện L, tỉnh S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Hoàng Thị Kim K - Đoàn Luật sư tỉnh S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị Đ; địa chỉ: Số nhà 01, ngõ 5, tổ 2, khối 8, phường K, thành phố S, tỉnh S.

2. Chị Hà Thị T; địa chỉ: Thôn Kéo Tào, xã T, huyện L, tỉnh S.

3. Anh Hoàng Văn T; địa chỉ: Thôn Kéo Tào, xã T, huyện L, tỉnh S.

4. Anh Phan Văn Đ sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 1, khối 5, xã T, huyện L, tỉnh S; có mặt.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S; ông Ngô Mạnh H.

Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2017 và các bản khai, bản trình bày tiếp theo, bà Ma Thị H trình bày:

Gia đình bà có thửa đất số 31.1, diện tích 3.470,4m^2 và thửa đất số 29.1, diện tích 1.247,lm^2 cùng thuộc tờ bản đồ số 50, bản đồ địa chính xã T, huyện L đo vẽ năm 1998 và đo vẽ lại năm 2005. Vị trí hai thửa đất trên đều tọa tại thôn Kéo Tào, xã T, huyện L, tỉnh S. Nguồn gốc đất là do ông cha để lại, từ năm 1968 khi về làm con dâu trong gia đình bà đã cùng gia đình canh tác, trồng các loại ngô, khoai, sắn.... Ranh giới đất được xác định bằng 03 bụi tre được gia đình bà trồng từ thời cha ông. Năm 2005 bà đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ số diện tích đất trên (GCNQSDĐ số H00515 ngày 19/4/2005 cấp cho thửa 29.1 và GCNQSDĐ số AB 538339 ngày 19/4/2005 cấp cho thửa 31.1). Tháng 8/2016, chị Tô Thị H là người có đất giáp ranh với gia đình bà đã thuê máy xúc vào san ủi đất và san vào đất của gia đình bà tại thửa số 31.1 tờ bản đồ số 50 đồng thời phá bỏ 03 bụi tre hàng rào. Chị Tô Thị H cho rằng diện tích này là đất của gia đình chị H, Từ đó xảy ra tranh chấp. Khi xảy ra tranh chấp thì bà mới biết, chị Tô Thị H cũng đã được cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất hiện đang tranh chấp giữa hai gia đình. Nay bà khởi kiện vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp cho gia đình bà đối với diện tích đất hiện đang tranh chấp là 132,6m^2; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Tô Thị H, phần chồng lấn.

Chị Tô Thị H cho rằng về nguồn gốc, diện tích đất hiện đang tranh chấp giữa bà Ma Thị H và chị là do cha ông để lại cho vợ chồng chị, đã được cấp GCNQSDĐ vào năm 2000, mang tên anh Phan Văn T là chồng chị Tô Thị H với diện tích 1008m^2, thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 50, bản đồ địa chính xã T, huyện L đo vẽ năm 1998, đo vẽ lại năm 2005. Vị trí thửa đất trên tọa tại thôn Kéo Tào, xã T, huyện L, tỉnh S. Năm 2001, anh T chết, chị Tô Thị H tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất nêu trên. Năm 2016 chị H làm thủ tục chuyển tên trên GCNQSDĐ từ tên chồng là Phan Văn T sang tên chị là Tô Thị H, và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp GCNQSDD số CS00474 ngày 27/01/2016. Năm 2016 chị bán một phần đất cho vợ chồng anh Hoàng Văn T - chị Hà Thị T và chị Hoàng Thị Đ. Thửa đất số 38 được chỉnh lý, tách thành 03 thửa: Thửa 169, diện tích 84m^2 là phần đất chị H chuyển nhượng lại cho vợ chồng anh T, chị T; thửa 170, diện tích 84m^2 là phần đất chị H chuyển nhượng

lại cho chị Đông; thửa 171, diện tích 840m^2 là phần đất hiện nay chị H đang quản lý, sử dụng. Cả 03 thửa đất nêu trên đều thuộc tờ bản đồ số 50, bản đồ địa chính xã T, huyện L đo vẽ năm 1998 và đo vẽ lại năm 2005. Nay bà Ma Thị H khởi kiện ra Tòa, yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với 132,6m^2 đất và hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho chị thì chị không nhất trí với lý do gia đình chị đã được cấp GCNQSDĐ từ năm 2000 còn gia đình bà Hợi cấp GCNQSDĐ năm 2005, cấp sau sổ của anh Phan Văn T nên sổ của bà Ma Thị H cấp chồng lên sổ của anh Phan Văn T. Do đó, chị Tô Thị H đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Ma Thị H và công nhận cho chị được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp.

Ủy ban nhân dân huyện L cho rằng, GCNQSDĐ bị yêu cầu hủy là Giấy số CS00474 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/01/2016 cho chị Tô Thị H nên việc thu hồi, hủy bỏ thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S, không liên quan đến UBND huyện L nên UBND huyện không tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tại Công văn số 888/UBND-TNMT ngày 18/6/2018 của UBND huyện L, tỉnh S phúc đáp công văn của Tòa án nhân dân tỉnh S xác định: Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho anh Phan Văn T chưa đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định (Biên bản xét duyệt có nhiều nội dung để trống, không có thông tin; chưa có thủ tục công bố công khai kết quả đã xét để mọi người dân được tham gia ý kiến; không có biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất và chữ ký của các hộ dân có quyền sử dụng đất liền kề). Đối với Hồ sơ cấp GCNQSDĐ số phát hành AB358339; số vào sổ cấp giấy: H01404 do UBND huyện L cấp ngày 19/4/2005 cho bà Ma Thị H đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2000 về thi hành Luật Đất đai. Tuy nhiên ngày ghi trên Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (ngày 28/10/2004) sau ngày xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai (ngày 15/10/2004) là không đúng quy định.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cho rằng: Việc cấp GCNQSDĐ số CS04474 cho chị Tô Thị H ngày 27/01/2016 đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền đối tượng theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

Ngày 06/12/2017 Tòa án nhân dân tỉnh S tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi hòa giải ngày 06/12/2017 các đương sự thống nhất thỏa thuận chia đôi diện tích đất tranh chấp và đề nghị Tòa án tổ chức mời cơ quan chuyên môn đến địa điểm tranh chấp để đo đạc và cắm mốc giới. Sau khi có kết quả đo đạc, Tòa án đã tổ chức hòa giải lần thứ hai vào ngày 11/12/2017. Tại buổi hòa giải các đương sự đã thống nhất thỏa thuận về toàn bộ nội dung vụ án (có sơ họa kèm theo). Tuy nhiên, ngày 15/12/2017, chị Tô Thị H có văn bản thay đổi ý kiến về nội dung thỏa thuận. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh S đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 25/7/2018, Tòa án

nhân dân tỉnh S đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26; Điều 34; khoản 2 Điều 228; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Điều 155, 166, 169, 235, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 166, 170 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

- Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị H.

1.1. Bà Ma Thị H có quyền quản lý, sử dụng đối với 80,7m^2, gồm 55,lm^2 thuộc thửa 31.1; 21,5m^2 thuộc thửa 31.5; 4,lm^2 thuộc thửa 31.4 (trùng với thửa 171), tờ bản đồ số 50, bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh S, đo vẽ năm 1998, đo vẽ lại năm 2005. Có tứ cận tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp đất bà Ma Thị H, có chiều dài cạnh là 4,36m + 5.80m + 4,70m + 3,50m (cạnh AB và cạnh BC);

- Phía Nam giáp đất chị Tô Thị H, có chiều dài cạnh là 5,90m + 6,20m (cạnh FE và cạnh ED);

- Phía Đông giáp đất bà Ma Thị H, có chiều dài cạnh là l,87m (cạnh CD);

- Phía Tây giáp đất chị Tô Thị H, có chiều dài cạnh là 3,50m + 5,05m (cạnh AF).

(Có sơ họa mảnh trích đo địa chính số 20 - 2017 kèm theo).

1.2. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00474 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho chị Tô Thị H ngày 27/01/2016 đối với 80,7m^2 đất thuộc một phần thửa 171, tờ bản đồ số 50, bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh S, đo vẽ năm 1998, đo vẽ lại năm 2005 có tứ cận tiếp giáp và sơ họa như mô tả tại mục 1.1.

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Tô Thị H đòi quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp là 80,7m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 31.1 (trùng với thửa 171), tờ bản đồ số 50, bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh S, đo vẽ năm 1998, đo vẽ lại năm 2005 có tứ cận tiếp giáp và sơ họa như mô tả tại mục 1.1.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, chi phí giám định; án phí dân sự sơ thẩm; thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2018, bị đơn chị Tô Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Chị Tô Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H có đề nghị giám định chữ ký, Hội đồng xét xử đã tạm dừng phiên tòa để yêu cầu chị H cung cấp tài liệu để giám định. Tuy nhiên, trong thời gian tạm dừng, chị H không cung cấp được tài liệu để giám định theo yêu cầu.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Tô Thị H có quan điểm như sau:

Đề nghị cho giám định những tài liệu chị H xuất trình kể cả đó là tài liệu không cùng thời điểm xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thực tế, bà Hợi cũng không sử dụng đất có tranh chấp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị H là hợp pháp. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hợi cũng không đúng vì giấy tờ lèm nhèm thiếu căn cứ.

Bản án sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng, thiếu khách quan, thiếu căn cứ. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của bà Ma Thị H.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ma Thị H có quan điểm như sau:

Gia đình bà Hợi đã sử dụng canh tác đất từ đời trước đến 8/2016. Chị H dùng máy xúc lấn vào đất, cuốc đi 3 bụi tre của nguyên đơn, san bằng chân đồi vào đất của bà Hợi. Diện tích bà Hợi bị lấn đã được các cơ quan chuyên môn xác định.

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T (chồng chị H) thấy không đúng quy định của pháp luật. Các văn bản không có ký tứ cận và không đúng chữ ký của những người có thẩm quyền; không công khai kết quả thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, không có ranh giới, mốc giới thửa đất.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Phan Văn Đ: Nhất trí với ý kiến của chị H và cho rằng thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định.

Xác định ranh giới là 3 bụi tre đã bị chị H san ủi.

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T: Không đảm bảo đúng quy định của luật đất đai.

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hợi là đầy đủ theo quy định của pháp luật. Sở tài nguyên môi trường tỉnh S và Ủy ban nhân dân

huyện cũng xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hợi là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu những tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi có bản án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án vì bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Bị đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận quyền quản lý sử dụng của bị đơn đối với diện tích đất đang có tranh chấp. Sau khi xem xét, Hội đồng xét xử thấy:

1. Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Chị H đề nghị giám định nhưng không cung cấp được tài liệu giám định theo yêu cầu, do đó không có cơ sở xem xét.

Xét nội dung kháng cáo của chị Tô Thị H là bị đơn trong vụ án thấy:

Về nguồn gốc đất có tranh chấp: Các bên đương sự đều khai đất có nguồn gốc do cha ông để lại và đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó cần xem xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được thực hiện đúng hay chưa đúng theo quy định của pháp luật về đất đai.

a. Xét hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Tô Thị H:

Về lịch sử: Diện tích đất hiện nay chị Tô Thị H đang sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00474 ngày 27/01/2016 trước đây mang tên chồng của chị H là ông Phan Văn T. Sau khi ông T chết, năm 2016 chị H làm thủ tục chuyển tên từ ông Phan Văn T sang tên chị H. Do đó cần xem xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông T.

Theo tài liệu tại hồ sơ vụ án: Ngày 08/9/1999, ông T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất. Trên cơ sở đơn của ông T, hội đồng đăng ký đất xã T đã tổ chức xét duyệt đơn đăng ký. Tuy nhiên tại biên bản xét duyệt có nhiều nội dung để trống, không rõ thông tin như: Thành phần tham dự, đại biểu dự, phần ký cũng chỉ có chữ ký của ông Trịnh Đức Thắng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, phần chữ ký của Thư ký và Chủ tịch Hội đồng đăng ký đất không có người ký. Như vậy, những tài liệu này là không đúng hướng dẫn tại Phần II, điểm d mục 1.2.3.4 Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể Thông tư 346 quy định: Hội đồng đăng ký đất họp dưới sự điều khiển của Chủ tịch hội đồng để xem xét từng đơn kê khai đăng ký trên cơ sở hồ sơ, tài liệu của từng chủ sử dụng đất đã được tổ

chuyên môn giúp việc chuẩn bị, thẩm tra, phân loại. Kết quả làm việc của hội đồng được ghi thành biên bản, biên bản phải được thông qua toàn thể hội đồng, có chữ ký của Chủ tịch hội đồng và thư ký hội đồng.

Cũng theo Thông tư 346: Sau khi Hội đồng đăng ký đất đai có kết luận, ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức công bố công khai kết quả đã xét để mọi người dân được tham gia ý kiên. Thời gian công bố công khai là 15 ngày. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn T không có tài liệu này.

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T không có biên bản xác định mốc giới, ranh giới của thửa đất và chữ ký xác nhận của các hộ liền kề.

Như vậy, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn T không được thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị Tô Thị H không phải là cấp lần đầu mà là cấp đổi tên từ ông T sang tên chị H, do đó cũng thiếu, chưa đúng pháp luật.

b. Xét hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ma Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AB 358339, số vào sổ cấp giấy H 00404 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 19/4/2005 cho bà Hợi có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 135 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai. Tuy ngày ghi tên đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (28/10/2004) là sau ngày xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai (15/10/2004) nhưng theo bà Hợi trình bày là đã có đơn từ trước, nhưng cán bộ xã T cho rằng trình bày lem nhem nên gọi bà đến viết lại, bà đã viết lại ngày đúng vào ngày viết lại đơn, không để ý ngày viết trên đơn cũ. Ủy ban nhân dân huyện L xác định đây là sơ xuất của Ủy ban nhân dân xã T khi hoàn thiện hồ sơ.

Khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hợi, cơ quan chuyên môn đã tiến hành đo đạc xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, lập trích sao cho bản đồ địa chính khu đất, bản thân chị Tô Thị H cũng ký giáp ranh cho bà Hợi và không có ý kiến phản đối. Đến năm 2016, hai bên xảy ra tranh chấp, chị H cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà là không có cơ sở.

Theo các nhân chứng là hàng xóm của chị H thì ranh giới thửa đất giữa bà Hợi và chị H được xác định là những bụi tre đã bị chị H san ủi đi hết thành tà luy nên mới phát sinh tranh chấp. Cũng theo các nhân chứng thì phía trên bụi tre là đất của bà Hợi, phía dưới bụi tre là đất của chị H.

Bản án sơ thẩm quyết định chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hợi về quyền sử dụng đất tranh chấp và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Tô Thị H là có cơ sở, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị H đề nghị sửa bản án sơ

thẩm.

c. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về các chi phí tố tụng, về án phí sơ thẩm là có căn cứ.

Về án phí: Chị Tô Thị H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Tô Thị H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DSST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh S.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Chị Tô Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 541 ngày 28/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà nội;*
- *TAND tỉnh S;*
- *VKSND tỉnh S;*
- *Cục THADS tỉnh S;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Huyền Cường